

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2019/HNGĐ – ST**

Ngày: 18 – 9 – 2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Huỳnh Thị Châu

2/ Ông Phan Hữu Tính

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Thanh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại Hội trường xét xử A của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2019/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Bích N – sinh năm: 1995; Địa chỉ cư trú: Số nhà 117/4, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn S – sinh năm: 1994; Địa chỉ cư trú: Số nhà 78/3, ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt

3. Người làm chứng:

- Ông Vũ Văn N, sinh năm: 1960; Địa chỉ cư trú: Số nhà 117/4, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt

- Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm: 1973; Địa chỉ cư trú: Số nhà 78/3, ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 5 năm 2019, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/12/2016. Quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh S không chuyên tâm làm ăn, ngoại tình, cờ bạc dẫn

đến nợ nần. Chị và gia đình hai bên đã nhiều lần trả nợ cho anh S với hi vọng anh thay đổi, bản thân anh S cũng cam kết bỏ bài bạc nhưng thực tế anh không thực hiện. Bên cạnh đó mỗi lần vợ chồng bất hòa là anh S đánh chị. Mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 4/2019 vợ chồng xảy ra cãi vã, anh S đánh và đuổi mẹ con chị về nhà ngoại. Thời gian không chung sống anh S không có biện pháp gì hàn gắn mà còn công khai quan hệ tình cảm nam nữ với người khác, thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã không giải quyết được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Vũ Ngọc Hoài A – sinh ngày 09/6/2018. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị và mẹ ruột có sạp buôn bán thịt heo tại thành phố Hồ Chí Minh, đi và về trong ngày, thu nhập bình quân mỗi tháng của chị khoảng 15.000.000đ đến 20.000.000đ.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2019 được Tòa án thực hiện tại nơi cư trú của bị đơn, anh Vũ Văn S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh S khai nhận trước khi đi đến hôn nhân giữa anh và chị N có khoảng 05 năm tìm hiểu nhau. Việc kết hôn là tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/12/2016.

Sau kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình chồng. Anh S thừa nhận việc cờ bạc dẫn đến nợ nần nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng âm ỉ kéo dài. Ngoài ra khoảng đầu năm 2018 anh có tình cảm với người phụ nữ khác nhưng sau khi chị N biết sự việc thì anh đã chấm dứt. Quá trình chung sống vợ chồng có bất hòa do bất đồng quan điểm sống với nhau, anh thừa nhận có đánh chị N nhưng không để lại thương tích gì. Tháng 4/2019 vợ chồng bất hòa, xảy ra xô xát nên chị N về nhà bố mẹ ruột ở cho đến nay. Anh đã nhiều lần gặp chị N để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nhưng chị N cương quyết không đồng ý nên anh không còn biện pháp gì hàn gắn với chị N. Anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án mời anh đến Tòa làm việc, tuy nhiên nhận thấy không thể hàn gắn với chị N nên anh không đến Tòa án làm việc. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh S cho rằng còn thương vợ con, đồng thời anh theo đạo công giáo nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Vũ Ngọc Hoài A – sinh ngày 09/6/2018. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không có điều kiện về kinh tế để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng bà Trần Thị Ngọc T khai nhận:

Bà là mẹ ruột của anh S, sau khi kết hôn thì chị N, anh S sống chung với gia đình bà. Về mâu thuẫn vợ chồng anh S, theo bà vào cuối tháng 4/2019 anh S hỏi tiền

chị N để trả nợ do đánh bài vào dịp tết nguyên đán 2018 nên vợ chồng bất hòa. Cũng trong khoảng thời gian này vợ chồng mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày nên cãi vã, chị N về nhà ngoại sống cho đến nay. Gia đình hai bên biết mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có ý kiến gì.

Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Vũ Văn N khai nhận:

Ông là cha của chị N, chị N và con chung của chị N đang sống tại nhà ông từ cuối tháng 4/2019 cho đến nay. Về mâu thuẫn giữa chị N, anh S, từ cuối năm 2017 ông chứng kiến anh S đánh chị N tại nhà ông nên chị N đã thừa nhận việc anh S cờ bạc, nợ nần. Gia đình ông đã tạo việc làm cho anh S để anh chuyên tâm làm ăn nhưng anh không thay đổi, thậm chí còn bán xe máy cày của ông lấy tiền trả nợ. Việc chị N và cháu A về sống tại nhà ông thì theo ông chị N có nói nguyên nhân do anh S đánh và đuổi đi. Hiện tại ông phụ chị N chăm sóc cháu A ban ngày để chị N đi làm. Việc chị N yêu cầu ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Theo biên bản xác minh ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa chị N, anh S, được thực hiện tại nơi cư trú của con chung chưa thành niên, thể hiện: Về mâu thuẫn vợ chồng anh S, chị N và nguyên nhân phát sinh tranh chấp thì chính quyền địa phương không nắm được. Tuy nhiên thời gian gần đây chị N và con chung về sống với bố mẹ ruột chị N, không thấy anh S lui tới đây.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Nguyên đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N; giao con chung cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu; Về chia tài sản không đặt ra xem xét; Chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Vũ Thị Bích N khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Vũ Văn S có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Vũ Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Những người làm chứng là ông Vũ Văn N, bà Trần Thị Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh S và những người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị N, anh S tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2016, có đăng ký kết hôn, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân giữa chị N và anh S là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống giữa chị N, anh S xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S đánh bạc, ngoại tình, không chuyên tâm làm ăn, đồng thời còn đánh chị N. Từ tháng 4/2019 cho đến nay vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải hai lần nhưng anh S đều vắng mặt, thể hiện việc anh S không có thiện chí bảo vệ quan hệ hôn nhân của mình. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa anh S và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N, cho ly hôn giữa chị N và anh S.

[2.3] Quá trình chung sống chị N, anh S có một con chung là cháu Vũ Ngọc Hoài A – sinh ngày 09/6/2018. Hiện nay cháu A đang sống với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, anh S cũng khai nhận nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy chị N có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Bên cạnh đó cháu A còn được sự hỗ trợ chăm sóc từ bố mẹ của chị N. Do đó việc tiếp tục giao cháu A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là cần thiết, giúp cháu có cuộc sống ổn định để phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần.

[2.4] Tòa án đã giải thích pháp luật về quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên chị N không yêu cầu anh S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.5] Về tài sản chung: Chị N và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: Chị N và anh S khai vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Chị N là nguyên đơn trong vụ án này nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Vũ Thị Bích N.

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Bích N và anh Vũ Văn S được ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh S chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Vũ Ngọc Hoài A, sinh ngày 09/6/2018 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục... Tạm thời anh S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh Vũ Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết anh S, chị N được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con...

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Vũ Thị Bích N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 001865 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Bích N được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Văn S được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã G, Huyện. T;
- (ĐK số: 140, ngày 19/12/2016);
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Nga

